TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/DS - PT
Ngày : 26 - 11 - 2020
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng
Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương;
Ông Nguyễn Tiến Dũng.
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đoàn Thị Kim Phượng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Ông Trần Trọng Dần – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2020/TLPT-DS ngày 12-10-2020 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS – ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 139/2020/QĐXX-PT ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1972; Địa chỉ: Xóm T, xã M, huyện M, tỉnh N.

- Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1953; Địa chỉ: Xóm T, xã M, huyện M, tỉnh N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Trần Thị N , sinh năm 1929;

2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1951;

3. Ông Trần Văn H' , sinh năm 1959;

4. Ông Trần Văn T , sinh năm 1966;

Đều cùng địa chỉ: Xóm T, xã M, huyện M, tỉnh N;

5. Trần Thị G , sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện M, tỉnh N;

6. Bà Trần Thị X , sinh năm 1963;

7. Bà Trần Thị X' , sinh năm 1969;

Đều cùng địa chỉ: Thôn Đ, phường L, thành phố N, tỉnh N;

8. Bà Trần Thị S', sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 4, Thanh Khê, xã M, huyện M, tỉnh N;

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn H là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa: Bà S, ông H, bà C , bà G, ông H', bà X, ông T, bà X', bà S' có mặt; cụ N vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn Bà Trần Thị S trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Trần Văn Đ sinh năm 1932 và Cụ Trần Thị N sinh năm 1930. Hai cụ sinh được 09 người con gồm: Bà Trần Thị C, Ông Trần Văn H, bà Trần Thị G , Ông Trần Văn H' , Bà Trần Thị X , Ông Trần Văn T , Bà Trần Thị X' , Bà Trần Thị S', Bà Trần Thị S.

Cụ Trần Văn Đ và Cụ Trần Thị N có tài sản là 100m^2 đất thuộc thửa đất số 84 tờ bản đồ địa chính số 31, lô quy hoạch 144 bản đồ địa chính xã M ở khu tái định cư B + A thuộc xóm Trại, thôn 12, xã M, huyện M, tỉnh N. Trên đất có các tài sản gồm ngôi nhà hai tầng, bếp, công trình phụ. Bà S không lấy chồng nên sinh sống chung cùng với cụ Đ, cụ N tại ngôi nhà này.

Ngày 20 tháng 4 năm 2010, cụ Đ và cụ N tuy tuổi đã cao nhưng còn tỉnh táo và minh mẫn đã lập di chúc có chứng nhận của UBND xã M ngày 28-4-2010. Nội dung di chúc: Sau khi hai cụ qua đời toàn bộ 100m^2 đất đã làm nhà ở và cả công trình phụ, bếp và đồ dùng sinh hoạt để lại cho Bà Trần Thị S.

Ngày 01-6-2018 cụ Trần Văn Đ chết. Cụ Trần Thị N đã đồng ý cho Bà S toàn bộ phần tài sản của cụ trong khối tài sản là 100m^2 đất thuộc thửa đất số 84 tờ bản đồ địa chính số 31, lô quy hoạch 144 bản đồ địa chính xã M ở khu tái định cư B + Athuộc thôn 12, xã M, huyện M, tỉnh N và nhà, bếp, công trình phụ trên đất. Cụ N và các anh chị em khác (trừ ông H) đều nhất trí ký vào tờ khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bà Trần Thị S. Ông H không ký với nhiều lý do, ông H cho rằng đó là tài sản của bố mẹ nên ông H cũng có phần trong đó vì đấy là đất ông cha.

Vì vậy Bà S yêu cầu Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định giải quyết công nhận một phần di chúc mà cụ Đ, cụ N đã lập ngày 20-4-2010 xác nhận cho bà được sở hữu hưởng ½ diện tích đất trong diện tích 100m^2 và giá trị các tài sản nhà, bếp, công trình phụ trên đất là tài sản chung của bố mẹ bà thuộc tờ bản đồ số 84, tờ bản đồ địa chính xã M , tại lô quy hoạch số 144 khu tái định cư B- A.

* Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Toà án, bị đơn Ông Trần Văn H trình bày: Ông đồng ý với lời khai của Bà S về những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ và di sản do cụ Đ để lại.

Ông không biết sự tồn tại của di chúc do cụ Đ và cụ N lập ngày 20-4-2010 có chứng nhận của UBND xã M ngày 28-4-2010 cho đến khi được Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc mời lên làm việc. Ông cho rằng, di chúc đó không phải do cụ Đ và cụ N viết nhưng ông không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đối bản di chúc đó. Về nội dung di chúc ông không đồng ý về việc cụ Đ, cụ N định đoạt: Sau khi hai cụ qua đời toàn bộ 100m^2 đất đã làm nhà ở và cả công trình phụ, bếp và đồ dùng sinh hoạt để lại cho Bà Trần Thị S.

Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Bà S . Ông có quan điểm Bà S cứ tiếp tục ở trên phần diện tích đó với cụ N. Khi nào cụ N chết thì Bà S cũng tiếp tục ở đó. Nếu Bà S không đi lấy chồng thì ở đến lúc chết, còn Bà S lấy chồng thì về nhà chồng ở, diện tích đất và nhà đó các anh em ông tự bảo quản làm nơi thờ cúng tổ tiên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cụ Trần Thị N trình bày:

Cụ N và cụ Đ sinh được 09 người con, họ tên, năm sinh và địa chỉ của các con đúng như Bà S đã trình bày. Năm 2007, vợ chồng cụ mua của công ty Hoàng Anh 200m^2 đất ở vị trí khu tái định cư B+A, thửa đất số 84 tờ bản đồ địa chính số 31. Lô quy hoạch 142+144 bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh N. Trong quá trình sử dụng, vợ chồng cụ có chuyển nhượng cho chị Đinh Thị T 100m^2 đất thuộc lô 142. Còn 100m^2 đất lô 144, vợ chồng cụ đã xây nhà vào tháng 8 năm 2007, diện tích khoảng 60m^2 gồm nhà 02 tầng, bếp và công trình phụ. Bà Trần Thị S không xây dựng gia đình, ở vậy nuôi dưỡng, chăm sóc bố mẹ lúc tuổi già nên ở cùng cụ và cụ Đ.

Ngày 20-4-2010, cụ N và cụ Trần Văn Đ đã lập di chúc có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh N ngày 28-4-2010. Nội dung di chúc: Sau khi vợ chồng cụ qua đời toàn bộ 100m^2 đất đã làm nhà ở và cả công trình phụ, bếp và đồ dùng sinh hoạt để lại cho con gái là Trần Thị S. Cụ và cụ Đ chỉ lập duy nhất một bản di chúc ngày 20-4-2010 có xác nhận của UBND xã M ngày 28-4-2010. Sau khi cụ Đ chết các con đều biết về việc lập di chúc trừ Ông Trần Văn H không đồng ý về việc vợ chồng cụ cho toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho con gái Trần Thị S còn những người con còn lại đều nhất trí với nội dung di chúc. Nay cụ N đề nghị:

Thứ nhất, đề nghị Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định công nhận một phần di chúc mà cụ và cụ Đ đã lập ngày 20-4-2010. Bà Trần Thị S được hưởng di sản do cụ Trần Văn Đ để lại theo di chúc. Về phần di sản cụ được nhận thừa kế từ cụ Trần Văn Đ cụ cho con gái là Trần Thị S.

Thứ hai, về phần tài sản của Cụ Trần Thị N : Con gái cụ là Trần Thị S không đi lấy chồng bao năm nay ở nhà phụng dưỡng bố mẹ già nên cụ cho Bà S

sử dụng 50m^2 đất và toàn bộ các vật kiến trúc xây dựng trên đất là tài sản của cụ trong khối tài sản 100m^2 đất và toàn bộ các vật kiến trúc xây dựng trên đất gồm nhà 02 tầng, bếp, công trình phụ cùng đồ dùng sinh hoạt chung giữa cụ và cụ Trần Văn Đ thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 31, lô quy hoạch 144 tại khu B - A bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh N.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị C, bà Trần Thị G , Ông Trần Văn H' , Bà Trần Thị X , Ông Trần Văn T , Bà Trần Thị X' , Bà Trần Thị S' đều trình bày đồng ý với lời khai của Bà S , cụ N về những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ và di sản do cụ Đ để lại.

Ngày 20-4-2010, cụ Đ và cụ N tuy tuổi đã cao nhưng còn tỉnh táo và minh mẫn đã tự tay viết di chúc quyết định: Sau khi hai cụ qua đời toàn bộ 100m^2 đất đã làm nhà ở và cả công trình phụ, bếp và đồ dùng sinh hoạt để lại cho Bà Trần Thị S. Bà Trần Thị S là người không xây dựng gia đình, ở vậy nuôi dưỡng, chăm sóc bố mẹ lúc tuổi già. Trong quá trình xây dựng nhà cửa, Bà S cũng đã có công sức đóng góp cùng với bố mẹ xây dựng và sắm sửa các vật dụng trong gia đình. Nên việc định đoạt tài sản như trong di chúc của cụ Đ, cụ N là hợp lý. Các ông, các bà hoàn toàn đồng ý về việc lập di chúc của bố mẹ ngày 20-4-2010.

* Bản án sơ thẩm số 01/2020/DS – ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 609, 611, 612, 613, 624, 625, 626, 630, 643, 644 Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị S.

2. Giao cho Bà Trần Thị S được quyền sử dụng 100m^2 đất (chiều ngang 05m, chiều dài 20m thuộc) thửa số 84, tờ bản đồ số 31, lô quy hoạch 144 tại khu B- A bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh N và sở hữu các tài sản là vật kiến trúc trên đất gồm nhà 02 tầng, diện tích tầng 1 là 12,5m x 4,35m = 54,37m^2; tầng 2 gồm 2 phần, phần phía ngoài mái bê tông diện tích 7,3m x 4,35m = 31,75m^2; phần phía sau mái tôn 5,2m x 4,35m = 22,62m^2. Bếp và công trình phụ 3m x 5m = 15m^2. Diện tích đất trống còn lại làm sân 22,5m^2. Có sơ đồ kèm theo.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

* Tại đơn kháng cáo ngày 30-7-2020 của Ông Trần Văn H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm với lý do bản di chúc không phải của cụ Trần Văn Đ, bố ông viết, đề nghị tuyên hủy bản án sơ thẩm và giải quyết tài sản tranh chấp theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Trần Thị S giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không chấp nhận lý do kháng cáo của ông H , đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng di sản của cụ Trần Văn Đ để lại là ½ tài sản chung với Cụ Trần Thị N gồm: Thửa đất có diện tích 100m^2 thuộc thửa đất số 84 tờ bản đồ địa chính số 31, lô quy hoạch 144 bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh N. Trên đất có các tài sản gồm ngôi nhà hai tầng, bếp, công trình phụ. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao toàn bộ tài sản chung của cụ Đ và cụ N cho Bà S được sở hữu, quản lý, sử dụng là hoàn toàn phù hợp với bản di chúc chung ngày 20 tháng 4 năm 2010 là có cơ sở, đảm bảo đúng pháp luật. Vì vậy kháng cáo của ông H là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của Ông Trần Văn H làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Cụ Trần Thị N đã già yếu có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án cấp phúc thẩm nên việc vắng mặt của cụ N tại phiên tòa phúc thẩm không ảnh hưởng đến việc xét xử của vụ án. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cụ N. Tòa án cấp sơ thẩm còn có những thiếu sót sau cần rút kinh nghiệm như không có biên bản giao bản án cho các đương sự trừ cụ N.

[3] Xét về nội dung kháng cáo của Ông Trần Văn H đề nghị xem xét giải quyết những nội dung sau: Bản di chúc không phải của cụ Trần Văn Đ, bố ông viết, đề nghị tuyên hủy bản án sơ thẩm và giải quyết tài sản tranh chấp theo quy định của pháp luật thì thấy: Tất cả các đương sự trong vụ án đều trình bày cụ Trần Văn Đ và Cụ Trần Thị N có tài sản chung 100m^2 đất (chiều ngang 05m, chiều dài 20m thuộc) thửa số 84, tờ bản đồ số 31, lô quy hoạch 144 tại khu B - A bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh N. Trên diện tích đất này các cụ đã xây nhà vào tháng 8 năm 2007, gồm nhà 02 tầng, bếp và công trình phụ. Diện tích đất trống còn lại làm sân 22,5m^2. Cụ Đ, cụ N và Bà S là những người sinh sống tại ngôi nhà này nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tổng giá trị tài sản được định giá là 945.740.000 đồng.

Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định di sản của cụ Trần Văn Đ là ½ trị giá số tài sản trên là chính xác. Sau khi cụ Đ chết, cụ N và Bà S quản lý số tài sản này. Đối với các đồ dùng trong gia đình, di chúc không liệt kê cụ thể và hiện nay cụ N còn sống và sử dụng, giá trị không đáng kể, các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[4] Về di chúc của cụ Trần Văn Đ: Ngày 20 tháng 4 năm 2010, cụ Trần Văn Đ và Cụ Trần Thị N đã lập di chúc có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh N vào ngày 28-4-2010. Tại thời điểm cụ Đ và cụ N lập di chúc thì theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 đây là di chúc chung của vợ chồng. Tuy nhiên tại thời điểm cụ Đ chết, Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật đã bỏ quy định về di chúc chung của vợ chồng. Căn cứ Điều 630, 688 Bộ luật Dân sự 2015 được xác định đây là di chúc hợp pháp. Kháng cáo của Ông Trần Văn H cho rằng bản di chúc ngày 20-4-2010 không phải của cụ Trần Văn Đ viết là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, cụ N và các con đều công nhận bản di chúc này được lập hợp pháp, khi lập di chúc bản thân cụ Đ còn khỏe mạnh, minh mẫn, nội dung bản di chúc đã thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của cụ Đ trước khi chết, ngoài ra bản di chúc còn được xác nhận của chính quyền địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm ông H không có yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đối bản di chúc này.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về thời hiệu và thời điểm mở thừa kế: Cụ Trần Văn Đ sinh năm 1932 chết ngày 01-6-2018. Sau khi cụ Đ chết mới phát sinh tranh chấp và yêu cầu chia thừa kế khối di sản do cụ Đ để lại nên đây là sự kiện pháp lý làm phát sinh việc thừa kế di sản của cụ Đ theo di chúc đối với phần tài sản của cụ Đ nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy xác định thời điểm mở thừa kế đối với khối di sản của cụ Đ là ngày 01-6-2018. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế của cụ Đ vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[6] Về người được hưởng thừa kế di sản do cụ Trần Văn Đ để lại: Nội dung di chúc của cụ Trần Văn Đ: Sau khi vợ chồng cụ qua đời toàn bộ 100m^2 đất có cả nhà ở và cả công trình phụ, bếp và đồ dùng sinh hoạt để lại cho con gái là Trần Thị S. Cụ Đ và cụ N chỉ lập duy nhất một bản di chúc ngày 20-4-2010. Theo quy định tại Điều 613 của Bộ luật dân sự 2015 thì Bà Trần Thị S là người được hưởng thừa kế duy nhất theo nội dung của bản di chúc lập ngày 20-4-2010. Do đó phần di sản của cụ Đ để lại sẽ được giao cho Bà S quản lý, sở hữu, sử dụng là hoàn toàn phù hợp nên công nhận nội dung của bản di chúc.

[7] Xét yêu cầu của Cụ Trần Thị N đề nghị Toà án ghi nhận sự tự nguyện của cụ về việc tặng cho Bà Trần Thị S toàn bộ phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung của vợ chồng là ½ trong khối sản là 100m^2 đất tại thửa số 84, tờ bản đồ số 31, lô quy hoạch 144 tại khu B - A bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh N. Trên diện tích đất này vợ chồng cụ đã xây nhà vào tháng 8 năm 2007, gồm nhà 02 tầng, bếp và công trình phụ. Xét thấy việc tặng cho tài sản của Cụ Trần Thị N cho

Bà Trần Thị S là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015, Toà án ghi nhận việc này. Như vậy Bà Trần Thị S được quyền sử dụng diện 100m^2 đất tại thửa số 84, tờ bản đồ số 31, lô quy hoạch 144 tại khu B - A bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh N và được quyền sở hữu các vật kiến trúc trên đất gồm nhà 02 tầng, bếp và công trình phụ.

[8] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Lý do kháng cáo của ông H là không có căn cứ. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của ông H không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông H là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông H được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm

- Căn cứ Điều 92; Điều 147; Điều 148; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 609, 611, 612, 613, 623, 624, 625, 626, 630, 643 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị S.

2. Giao cho Bà Trần Thị S được quyền sử dụng 100m^2 đất (chiều ngang 05m, chiều dài 20m thuộc) thửa số 84, tờ bản đồ số 31, lô quy hoạch 144 tại khu B - A bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh N và sở hữu các tài sản là vật kiến trúc trên đất gồm nhà 02 tầng, diện tích tầng 1 là 12,5m x 4,35m = 54,37m^2; tầng 2 gồm 2 phần, phần phía ngoài mái bê tông diện tích 7,3m x 4,35m = 31,75m^2; phần phía sau mái tôn 5,2m x 4,35m = 22,62m^2. Bếp và công trình phụ 3m x 5m = 15m^2. Diện tích đất trống còn lại làm sân 22,5m^2. Có sơ đồ kèm theo.

3. Bà Trần Thị S có trách nhiệm kê khai, đăng ký chuyển quyền sử dụng đất được giao sử dụng theo quyết định của bản án tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Trần Thị S phải nộp 21.635.000 đồng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo Biên lai số: AA/2017/0001470 ngày 06-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Bà Trần Thị S còn phải nộp 19.135.000 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn H được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- TAND huyện Mỹ Lộc;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lại Văn Tùng